

QUỐC HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:...../20..../QH15

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2025

DỰ THẢO
Ngày 28/12/2024

LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của Chính phủ; nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ; vị trí, chức năng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; nguyên tắc tổ chức và hoạt động, chế độ làm việc của Chính phủ; mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với các cơ quan liên quan trong thực hiện quyền hành pháp.

Điều 2. Vị trí, chức năng của Chính phủ

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và thành viên của Chính phủ

1. Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

2. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ gồm các bộ, cơ quan ngang bộ.

Việc thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ do Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

Điều 4. Nhiệm kỳ của Chính phủ

Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới thành lập Chính phủ.

Điều 5. Thủ tướng Chính phủ

1. Thủ tướng Chính phủ do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước.

2. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; bảo đảm bình đẳng giới.

2. *Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên khác của Chính phủ trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi quản lý được giao.*

Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cơ quan của Chính phủ tại các văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với quy định tại Luật này, bảo đảm quyền lực nhà nước được kiểm soát hiệu quả.

3. Tổ chức bộ máy hành chính *quản lý đa ngành, đa lĩnh vực*, tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm nguyên tắc cơ quan cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của cơ quan cấp trên.

4. *Phân cấp hợp lý giữa Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ* với chính quyền địa phương gắn với điều kiện bảo đảm về nguồn lực, năng lực của địa phương, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương *theo nguyên tắc cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nội dung được phân cấp.*

5. *Cơ quan phân cấp có trách nhiệm theo dõi, thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan được phân cấp, trường hợp không đạt mục tiêu tiêu phân cấp, cơ quan phân cấp có trách nhiệm thu hồi hoặc điều chỉnh các nội dung đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp thực hiện hiệu lực, hiệu quả.*

6. *Thực hiện quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương hành chính; chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.*

Chương II **CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ** **CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA CHÍNH PHỦ**

Mục 1 **CHÍNH PHỦ**

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

1. *Trình Quốc hội quyết định các nội dung sau:*

a) *Thông qua các dự án luật được Quốc hội giao; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ;*

b) *Ban hành nghị quyết của Quốc hội về: Các mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội; chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; chính sách dân tộc, tôn giáo của Nhà nước; chính sách cơ bản về đối ngoại; phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội; trưng cầu ý dân; chương trình mục tiêu quốc gia.*

c) *Ban hành nghị quyết của Quốc hội về thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt.*

2. *Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các nội dung sau:*

a) *Thông qua các dự án pháp lệnh được Quốc hội giao;*

b) *Ban hành nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về: thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh; tuyền*

bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp Quốc hội không thể họp được và báo cáo Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất; tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

3. Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước:

a) Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước và để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và của chính quyền địa phương; kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái Hiến pháp và pháp luật;

b) Quyết định các biện pháp để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; chỉ đạo triển khai và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, chương trình công tác của Chính phủ;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật; thống nhất quản lý công tác hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, bồi thường nhà nước, thi hành án;

d) Tổng hợp đánh giá tình hình thi hành Hiến pháp, pháp luật và báo cáo với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật.

4. Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện *Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định. Giải quyết kiến nghị của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cử tri.*

5. *Thống nhất phân công phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước với từng Bộ, cơ quan ngang Bộ; phân cấp đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định hoặc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng của chính quyền địa phương.*

6. *Quyết định các biện pháp cụ thể để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài.*

7. *Quyết định các chính sách phát triển ngành, vùng, địa phương (trừ những chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội và những nội dung đã phân quyền đối với chính quyền địa phương), bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ và các mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua.*

8. *Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:*

a) Tổ chức thi hành lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân; *quyết định biện pháp (khẩn cấp) tạm thời trong tình huống bất thường nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp đe dọa hoặc gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản của Nhân dân, của cơ quan, tổ chức và xã hội.*

b) Trình Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định việc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia hoạt động góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới;

c) Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70 Hiến pháp năm 2013;

d) Tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan đại diện của Nhà nước tại nước ngoài và tại các tổ chức quốc tế; bảo vệ lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; quản lý hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

đ) Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện), đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quy định số lượng cấp phó

tối đa của người đứng đầu đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với các tài sản công thuộc sở hữu toàn dân, thực hiện chức năng chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

g) Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

h) Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ý kiến của Chính phủ về các dự án luật, pháp lệnh do các cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình;

i) Rút các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ đề xuất trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa Chính phủ và Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

k) Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đình chỉ việc thi hành luật, pháp luật, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong trường hợp cần thiết (liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, lợi ích Nhà nước và người dân...);

l) Bảo lưu ý kiến đối với các vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong các kết luận giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 8. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; về kết quả, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy hành chính nhà nước; về các chủ trương, chính sách do mình đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chính phủ báo cáo công tác của Chính phủ với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Điều 9. Quan hệ của Chính phủ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội

1. Chính phủ phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội xây dựng quy chế phối hợp công tác.

3. Khi xây dựng dự án luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định của Chính phủ, Chính phủ gửi dự thảo văn bản để Ủy ban Trung ương Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có liên quan tham gia ý kiến.

4. Chính phủ thường xuyên thông báo cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội về tình hình kinh tế - xã hội và các quyết định, chủ trương quan trọng của Chính phủ liên quan đến nhiều tầng lớp nhân dân.

5. Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong Nhân dân, động viên, tổ chức Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức và viên chức.

6. Chính phủ có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.

Mục 2

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. *Trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; trong thời gian Quốc hội không họp, trình Chủ tịch nước quyết định tạm đình chỉ công tác của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.*

2. *Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

3. *Trình Chủ tịch nước quyết định các nội dung sau:*

a) *Đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;*

b) *Tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;*

c) *Phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.*

4. Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật; lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt của nền hành chính quốc gia và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các văn bản pháp luật và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thành viên Chính phủ; quyết định các vấn đề khi còn có ý kiến khác nhau giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và các chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên các lĩnh vực quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh;

e) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Hiến pháp và pháp luật trong phạm vi toàn quốc.

đ) Quyết định phân cấp thực hiện những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

g) Ủy quyền cho Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách thành viên Chính phủ thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

6. Ban hành quyết định, chỉ thị và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương và quyết định một số nội dung cụ thể sau:

a) Trong thời gian Quốc hội không họp, quyết định giao quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong trường hợp khuyết Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới khi không hoàn thành nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao hoặc vi phạm pháp luật;

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; quyết định thành

lập hội đồng, ủy ban hoặc ban khi cần thiết để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành.

7. Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Chính phủ, *quyết định chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.*

Điều 11. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương; về các quyết định và kết quả thực hiện các quyết định của mình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thực hiện báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ *trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước*; giải trình, trả lời chất vấn của *Đại biểu Quốc hội*, trường hợp *cần thiết* thì ủy quyền cho Phó Thủ tướng Chính phủ thực hiện.

3. Thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

4. *Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ hoặc ủy quyền cho thành viên Chính phủ thay mặt Chính phủ ký các văn bản của Chính phủ.*

Mục 3

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 12. Phó Thủ tướng Chính phủ

1. Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ được phân công.

2. Khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, một Phó Thủ tướng Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm thay mặt Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính phủ.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là thành viên Chính phủ

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

1. *Tham dự phiên họp Chính phủ và tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể Chính phủ; tham gia biểu quyết tại phiên họp Chính phủ, cùng tập thể Chính phủ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ.*

2. Đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chủ trương, chính sách, cơ chế, văn bản pháp luật cần thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động làm việc với Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ về công việc của Chính phủ và công việc khác có liên quan; chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung và tiến độ trình các đề án, dự án, văn bản pháp luật được giao.

3. Thực hiện các công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực được *Chính phủ phân công hoặc Thủ tướng Chính phủ ủy quyền*. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành pháp luật, việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về ngành, lĩnh vực được phân công.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền.

Điều 14. Trách nhiệm của các thành viên khác của Chính phủ

1. *Chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; cùng các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ.*

2. Thực hiện báo cáo công tác trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý; giải trình, trả lời chất vấn của *Đại biểu Quốc hội*.

Chương III

BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ

Điều 15. Bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

2. *Văn phòng Chính phủ là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, là bộ máy giúp việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, có chức năng tham mưu tổng hợp, giúp việc cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Chính phủ. Người đứng đầu Văn phòng Chính phủ là Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.*

3. Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng bộ, cơ quan ngang bộ.

Điều 16. Cơ quan thuộc Chính phủ

1. Cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan do Chính phủ quyết định thành lập, thực hiện chức năng thực thi chính sách, phục vụ quản lý nhà nước.

2. Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ, do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công.

3. Quyết định phân cấp cho người đứng đầu các tổ chức, đơn vị được giao chức năng tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo phân công của Chính phủ; phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo phạm vi lãnh thổ.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm cá nhân về mọi mặt công tác của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được phê duyệt, các nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Quyết định theo thẩm quyền các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ mà mình là người đứng đầu.

6. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;

giải trình về những vấn đề Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quan tâm; trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội về những vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý.

7. Hướng dẫn và kiểm tra, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực được phân công; kiến nghị với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những quy định do các cơ quan đó ban hành trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc của bộ, cơ quan ngang bộ về ngành, lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm quản lý. Trong trường hợp kiến nghị không được chấp thuận thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

8. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực được phân công hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm quản lý.

9. Đề nghị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trái với các văn bản về ngành, lĩnh vực được phân công. Nếu Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không chấp hành thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

10. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ về kết quả, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ, cơ quan ngang bộ; về các quyết định và kết quả thực hiện các quyết định của mình trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thực hiện báo cáo công tác trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 19. Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

1. Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phân công và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ về nhiệm vụ được phân công.

2. Số lượng Thứ trưởng, Phó Thứ trưởng cơ quan ngang bộ không quá 05; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao không quá 06. Trong trường hợp do sáp nhập bộ, cơ quan ngang bộ hoặc do yêu cầu điều động, luân chuyển cán bộ của cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Chương VI

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 20. Chế độ làm việc của Chính phủ và từng thành viên Chính phủ

Chế độ làm việc của Chính phủ và từng thành viên Chính phủ được thực hiện kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Chính phủ với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng Chính phủ và cá nhân từng thành viên Chính phủ.

Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 21. Hình thức hoạt động của Chính phủ

1. Chính phủ họp thường kỳ mỗi tháng một phiên hoặc họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, theo yêu cầu của Chủ tịch nước hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Chính phủ.

2. Trong trường hợp Chính phủ không họp, Thủ tướng Chính phủ quyết định gửi lấy ý kiến các thành viên Chính phủ bằng văn bản.

3. Chính phủ họp theo yêu cầu của Chủ tịch nước để bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.

4. Hoạt động của Chính phủ bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Điều 22. Trách nhiệm tham dự phiên họp của thành viên Chính phủ
(sửa đổi, bổ sung Điều 45 Luật hiện hành)

1. Thành viên Chính phủ có trách nhiệm tham dự phiên họp của Chính phủ, nếu vắng mặt trong phiên họp hoặc vắng mặt một số thời gian của phiên họp thì phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

Thủ tướng Chính phủ có thể cho phép thành viên Chính phủ vắng mặt và được cử cấp phó tham dự phiên họp của Chính phủ.

2. Khi cần thiết, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được mời tham dự phiên họp của Chính phủ.

3. Người tham dự phiên họp của Chính phủ không phải là thành viên Chính phủ có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Thành viên Chính phủ được biểu quyết thông qua nội dung phiên họp Chính phủ, khi tham dự 2/3 thời gian cuộc họp và được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tại phiên họp Chính phủ, nếu có ý kiến chưa thống nhất với ý kiến của cơ quan chủ trì, báo cáo Chính phủ về các nội dung liên quan đến lĩnh vực của bộ, cơ quan ngang bộ được giao phụ trách, thì các thành viên Chính phủ phải thảo luận và thống nhất tại phiên họp liền kề.

Điều 23. Phiên họp của Chính phủ

1. Phiên họp của Chính phủ chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Chính phủ tham dự.

2. Nội dung phiên họp của Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ đề nghị và thông báo đến các thành viên Chính phủ.

3. Các quyết định của Chính phủ phải được quá nửa tổng số thành viên Chính phủ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Thủ tướng Chính phủ đã biểu quyết.

4. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ được giao chủ trì phiên họp Chính phủ, có quyền hoãn phiên họp Chính phủ theo yêu cầu công việc hoặc nhiệm vụ phát sinh.

Điều 24. Thành phần mời tham dự phiên họp của Chính phủ

1. Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Chính phủ.

2. Chính phủ mời Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội tham dự phiên họp của Chính phủ khi bàn về việc thực hiện chính sách dân tộc. Khi ban hành quy định thực hiện chính sách dân tộc, Chính phủ phải lấy ý kiến của Hội đồng dân tộc.

3. Chính phủ mời Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội tham dự phiên họp của Chính phủ khi bàn các vấn đề có liên quan.

Điều 25. Kinh phí hoạt động của Chính phủ

Kinh phí hoạt động của Chính phủ do Quốc hội quyết định từ ngân sách nhà nước.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đang quy định tại các luật chuyên ngành được điều chỉnh thống nhất với các quy định của Luật này, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Chính phủ và phù hợp với quy định của Hiến pháp.

2. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trong từng giai đoạn, Chính phủ quyết định điều chỉnh cụ thể theo thẩm quyền.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ..... thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI